TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____

Số: 15/2017/HNGĐ - ST
Ngày 25 - 5 - 2017
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Công Cẩn
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lã Ngọc Tường
Ông Vũ Văn Chuyển

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Anh Quang, Thư ký TAND thành phố Việt Trì.

- ***Đại diện Viện kiểm sát thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa***: bà Đào Thúy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 2 năm 2017 về việc "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1599/2017/ QĐXXST - HNGĐ ngày 10/5/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Tuyết V** - sinh năm 1979
Địa chỉ: tổ 46A, phố P, phường C, TP. T, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: anh **Nguyễn Việt H** - sinh năm 1979
Địa chỉ: tổ 46A, phố P, phường C, TP. T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị V, anh H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Đỗ Thị Tuyết V trình bày: chị và anh H đăng ký kết hôn ngày 17/12/2013 tại UBND xã Kim Đức, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Khi kết hôn và hiện nay thì anh H ở nhà còn chị làm nghề cắt tóc, gội đầu. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thời gian năm 2016 vợ chồng có xảy ra đánh, chửi nhau. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay. Tại phiên tòa, chị xét thấy không còn tình cảm với anh H nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Về con chung: chị và anh H có một con chung là Nguyễn Việt Gia G - sinh ngày 5/7/2015. Tại phiên tòa, chị tự nguyện để anh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Việt Gia G và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu G là 2.000.000đ/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Việt H trình bày: anh thừa nhận thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị V trình bày là đúng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Khi kết hôn và hiện nay anh ở nhà còn chị V làm tóc. Mâu thuẫn vợ chồng do chị V đòi bán đất thì mới đồng ý chung sống với nhau. Ngày 12/12/2016 chị V bỏ anh cùng đứa con trai 18 tháng tuổi, đi đâu anh không rõ. Kể từ đó vợ chồng không chung sống với nhau nữa, anh rất muốn vợ chồng về chung sống nhưng chị V không nghe. Tại phiên tòa, anh không nhất trí ly hôn vì tình cảm

vợ chồng vẫn còn. Về con chung: vợ chồng anh có một con chung là Nguyễn Việt Gia G - sinh ngày 5/7/2015. Nếu chị V cương quyết giải quyết ly hôn về con chung anh xin được nuôi con chung và đề nghị chị V cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị V. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh H không đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu quan điểm về nội dung vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V. Xử cho chị V được ly hôn với anh H. Về con chung: tại phiên tòa hai bên đều tự nguyện thống nhất giao con chung cho anh H nuôi dưỡng nên cần giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Đỗ Thị Tuyết V và bị đơn là anh Nguyễn Việt H. Căn cứ vào Điều 28, 35, Điểm a Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

2. Về hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn theo chị V thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng đánh chửi nhau nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay. Theo anh H thì mâu thuẫn vợ chồng do chị V đòi bán đất thì mới đồng ý chung sống với nhau và ngày 12/12/2016 chị V bỏ anh và con đi kể từ đó vợ chồng không chung sống với nhau nữa. Tại phiên tòa, chị V xác định tình cảm vợ chồng đã không còn khả năng đoàn tụ nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Tại phiên tòa anh H vẫn không đồng ý ly hôn vì anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Hội đồng xét xử xét nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã được chị V, anh H thừa nhận. Theo xác minh tại địa phương, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là anh H thường hay đánh chửi chị V, địa phương đã giáo dục nhắc nhở nhiều lần nhưng không có chuyển biến và hiện nay chị V, anh H đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên cần xử cho chị V được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Tại phiên tòa chị V tự nguyện để anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Việt Gia G - sinh ngày 5/7/2015 vì hiện nay chị chưa có nhà ở, công việc làm ăn không ổn định. Phía anh H cũng nhất trí nuôi con. Xét thấy, về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi nhưng thực tế hiện nay cháu H đang ở với anh H và việc thỏa thuận của chị V, anh H về việc anh H nuôi cháu G phù hợp với lợi ích của con chung nên Tòa án căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình giao cho anh H được trực tiếp nuôi cháu G là phù hợp.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu G là 2.000.000/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên. Anh H cũng đồng ý việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị V. Xét thấy sự tự nguyện cấp dưỡng của chị V đối với con chung là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

5. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị V, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Xử cho chị Đỗ Thị Tuyết V được ly hôn với anh Nguyễn Việt H.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Việt H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Việt Gia G - sinh ngày 5/7/2015. Chị V cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu G thành niên.

Anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị V, anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Tuyết V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị V đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002258 ngày 20/2/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì do chị Đỗ Thị L nộp thay).

5. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Chị V, anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm ./.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh, TP*
- *Thi hành án*
- *Đương sự*
- *UBND xã Kim Đức*
- *Lưu hồ sơ, án văn*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Hà Công Cẩn